

Bản án số: **04/2019/HS-ST**

Ngày: **24/01/2019**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bảo và ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Văn H, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1979; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: số nhà 12/7, Tổ 4, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12 ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Bố đẻ: Bùi Văn S, sinh năm 1952; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị V1, sinh năm 1955; Vợ: Nguyễn Thùy L, sinh năm 1990 (Đã ly hôn ngày 27/9/2018) Con: có 01 sinh năm 2016.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Lịch sử bản thân:

- Ngày 14/4/2005, TAND tỉnh Ninh Bình xử phạt 05 năm tù giam và phải nộp 50.000đ tiền án phí HSST về tội “Cướp tài sản” đã chấp hành xong toàn bộ bản án năm 2010.

- Ngày 03/7/2012, UBND huyện K ra Quyết định đưa vào trung tâm chữa bệnh lao động xã hội tỉnh Ninh Bình thời gian 24 tháng về việc sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong năm 2014.

Bị cáo tạm giam từ ngày 16/9/2018 đến nay tại trại tam giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phan Văn U ; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1988; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKTT và chỗ ở:

Xóm V, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Bố đẻ: Phan Văn L1 sinh năm 1957; Mẹ đẻ: Lê Thị N, sinh năm 1958; Vợ: Phạm Thị H1, sinh năm 1993; Con: có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Lịch sử bản thân:

- Ngày 02/4/2003, UBND huyện K ra Quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng thời gian 12 tháng. Chấp hành xong năm 2004.

- Ngày 23/9/2011, Công an huyện K xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền: 500.000đ về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”. Đã chấp hành xong ngày 19/10/2011.

Bị cáo tạm giam từ ngày 16/9/2018 đến nay tại trại tam giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn V; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1990; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm 3, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

Bố đẻ: Nguyễn Văn V2, sinh năm 1950; Mẹ đẻ: Phạm Thị P, sinh năm 1954; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Lịch sử bản thân: Ngày 27/9/2012, Công an huyện K xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền: 1.000.000đ về hành vi “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong ngày 02/10/2012.

Bị cáo tạm giam từ ngày 20/ 9/2018 đến nay tại trại tam giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Trần Ngọc H2; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1989; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Bố đẻ: Trần Văn N1, sinh năm 1963; Mẹ đẻ: Phan Thị H3, sinh năm 1970 (Đã chết); Vợ, con: chưa có;

Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 15/3/2017, Công an huyện K xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền: 2.500.000đ về hành vi “Cố ý gây thương tích”; chấp hành xong ngày 14/01/2019.

Bị cáo tạm giam từ ngày 16/9/2018 đến nay tại trại tam giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Phạm Thành T; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1988; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Bố đẻ: Phạm Văn H4, sinh năm 1961; Mẹ đẻ: Bùi Thị H5, sinh năm 1963; Vợ: Lê Thị Huyền T1, sinh năm 1987; Con: có 02 con; lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 21/3/2018, Công an huyện K xử phạt hành chính phạt tiền 2.500.000đ về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”. Đã chấp hành xong ngày 29/3/2018.

Bị cáo tạm giam từ ngày 16/9/2018 đến nay tại trại tam giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Trần Quốc Đ; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1990; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 3, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Bố đẻ: Trần Quốc T2, sinh năm 1969 (Đã chết); Mẹ đẻ: Đỗ Thị H6, sinh năm 1969; Vợ: Phạm Thị Phương A, sinh năm 1993 (Đã ly hôn); Con: có 02 con chung lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án: Không. Tiền sự: không. Bị cáo tạm giam từ ngày 16/09/2018 đến nay tại trại tam giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại: Nguyễn Văn V;** Sinh năm: 1990; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm 3, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Anh Lại Trí T3, sinh năm 1977; địa chỉ : phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Lương Hữu P1, sinh năm 1985; Bùi Văn S, sinh năm 1952; Phạm Văn N2, sinh năm 1984; Lê Thị N, sinh năm 1959; Phan Tiến D, sinh năm 1990; Vũ Duy N3, sinh năm 1990; Phạm Văn H7, sinh năm 1990; Nguyễn Đức H8, sinh năm 1990; Phạm Chí D1, sinh năm 1984; Phạm Huy Đ1, sinh năm 1975; Vũ Dư Anh T4; Phan Ngọc A1, sinh năm 1985; Nguyễn Huy H9, sinh năm 1981; Phạm Thị Thu T5, sinh năm 1982; Trần Thị Thanh H10, sinh năm 1977; Mai Đức T6, sinh năm 1984; Nguyễn Văn T7, sinh năm 1992; Trần Tuấn V3, sinh năm 1984; Trần Văn N4, sinh năm 1984; Nguyễn Văn T8, sinh năm 1986; Hoàng Thị L1, sinh năm 1991.

Có mặt : Ông S và anh N2, những người làm chứng còn lại đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h ngày 02/9/2018, Phan Tiến D, trú tại xóm V, xã T, huyện K tổ chức sinh nhật tại quán ăn “Sơn Tùng” ở xóm A, xã T, huyện K (do anh Phạm Chí D1 và Phạm Văn Đ1 làm chủ). Cùng dự sinh nhật tại quán có Phan Văn U, Nguyễn Văn V và một số người bạn của D; cùng thời gian đó Lương Hữu P1 cũng ăn ở quán. Trong quá trình ăn tại quán, P1 có sang bàn ăn của V,U chúc rượu rồi V và U sang bên bàn ăn của P1 chúc rượu lại. Sau đó P1 lại sang bàn của V và U để chúc rượu tiếp; lần này, khi đến chúc rượu tại bàn

của V và U thì V và U có xảy ra cãi nhau với P1, P1 cầm điện thoại của mình, chén rượu đập xuống bàn và bị U và V dùng tay đẩy ngã xuống nền nhà. Thấy vậy mọi người can ngăn; P1 nói với V và U “Chúng mày cứ đợi ở đây tao tìm người xuống”. Sau khi P1 về biết thông tin P1 tìm người quay lại quán để đánh thì U và V thì U gọi điện cho Trần Ngọc H2, đến và bảo H2 đến nhà U lấy 05 gậy kim loại hình trụ tròn dạng gậy bóng; H2 đồng ý và một mình đến nhà U để lấy gậy. Khi H2 mang gậy đến, U cầm để ở bãi cỏ bên ngoài quán ăn rồi cùng mọi người đợi P1 đến; trong lúc chờ đợi cả U và V được thanh niên cả nhóm mình và nhóm của P1 can ngăn nhưng U và V không về nhà mà ngồi đợi P1 đến.

Khoảng 20 phút sau, không thấy nhóm của P1 đến nên nhóm của U, V và H2 đi về cầu Thống Nhất, thuộc thị trấn P ngồi thì có Trần Quốc Đ và Phạm Thành T và một số bạn của nhóm biết được việc xô xát của U và V ở quán ăn cũng đi đến gặp nhóm U, V, H2 ở cầu Thống Nhất. Tại đây thanh niên cả hai nhóm khuyên bảo nhưng U và V không thay đổi ý định tìm P1 để “nói chuyện”. Khi đứng ở cầu Thống Nhất, do nghe được thông tin nhóm của P1, trong đó có cả Bùi Văn H, SN 1979, trú tại phố P, TT P, huyện K đang ở trong quán cà phê “Phố”, thuộc phố P, thị trấn P do anh Lại Trí T3 làm chủ, nên nhóm của U và V đi vào trong quán cà phê “Phố” để tìm P1; U nói H2 quay lại quán lấy 05 gậy bóng chày thì H2 đi đến nhờ Đ dùng xe ô tô 4 chỗ, BKS 35A-081.07 của Đ chở H2 đi lấy đồ cho H2, Đ đồng ý và chở H2 đến quán “Sơn Tùng”; tại đây H2 lấy bao xác rắn đựng 05 chiếc gậy bóng chày bỏ vào cốp phía sau xe ô tô của Đ rồi quay lại cầu Thống Nhất. U đi xe mô tô chở V; H2 đi xe mô tô 1 mình; Đại điều khiển xe ô tô chở T, đi theo còn có Vũ Dư Anh T4 và Phan Ngọc A1 thấy vậy cũng đi theo để can ngăn; T4 điều khiển xe ô tô 4 chỗ của mình chở A1 đi vào bờ hồ Nhà thờ đá Phát Diệm.

Khoảng 21h30’ nhóm U, V tới khu vực bờ hồ Nhà thờ đá Phát Diệm, lúc này tại đây có đông người đang thăm quan, ngắm cảnh và uống nước tại các quán cà phê. Vũ Dư Anh T4 đỗ xe trước giữa hai quán cà phê “SH” và “Sắc màu” cách quán cà phê “Phố” 29,5m, Đ đỗ xe trước cửa quán cà phê “SH” sau xe ô tô của T4, U dựng xe mô tô ở trước quán cà phê “Sắc Màu” trước đầu xe ô tô của T4, H2 dựng xe mô tô sau ô tô của Đ. Sau khi xuống xe V đi một mình đến quán cà phê “Phố”; lúc này V không mặc áo, nhìn thấy V thì Bùi Văn H đang ngồi uống nước ở quán cà phê “Phố” đi ra gặp V ở ngoài đường bờ hồ Nhà thờ đá Phát Diệm, ngay trước cửa quán cà phê “Phố”. Tại đây khi gặp V thì H nói vì sao tìm đánh P1 thì V nói không liên quan đến H thì H rút 01 dao gọt hoa quả của quán thủ sẵn trong người chém một phát vào ngực V, bị H chém V nhặt chiếc ghế mây của quán cà phê gần đó ném về phía H nhưng không trúng. Thấy V bị chém, U nói Đ lấy gậy bóng chày đưa cho mọi người, Đ mở cốp sau xe ô tô của mình lấy gậy đưa cho U 01 chiếc, T 01 chiếc, Đ cầm 01 chiếc, để lại cốp xe 02 chiếc, riêng H2 không cầm gậy, rồi

cả nhóm đuổi theo H để đánh; H bỏ chạy vào bên trong quán cà phê “Phố”. Tại đây V nhặt 01 chiếc cốc thủy tinh trên bàn ném về phía H nhưng không trúng, T dùng gậy bóng chày vụt 01 phát vào tay H khiến H bị rơi dao ở hiện trường. Sau khi bị đánh làm rơi dao H bỏ chạy ra phía cửa sau của quán về nhà; V được H2 cầm máu vết thương sau đó đưa đi cấp cứu điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình từ ngày 02/9/2018 đến ngày 05/9/2018. Bản thân H sau đó đã đến Bệnh viện Quân Y5, Quân khu 3 để khám, khi khám tại đây Bùi Văn H khai tên là Bùi Văn H9, 35 tuổi, trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và đề nghị bó bột tay trái.

Ngày 03/9/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình giám định thương tích của Nguyễn Văn V. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 40 ngày 04/9/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận: Tại thời điểm giám định, anh V bị tổn hại 8% (Tám phần trăm) sức khỏe; vết thương thành ngực do vật sắc trực tiếp gây nên. Ngày 08/10/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình giám định lại thương tích của Nguyễn Văn V. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 52 ngày 24/10/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận Nguyễn Văn V bị tổn hại 9% (Chín phần trăm) sức khỏe.

Ngày 08/10/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình giám định thương tích của Bùi Văn H. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 51 ngày 24/10/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận Bùi Văn H không bị tổn hại sức khỏe.

Thiệt hại do các bị cáo gây ra cho anh Lại Trí T3 chủ quán cà phê “Phố” do không thu được tiền của những người uống cà phê bỏ chạy không trả tiền và chiếc cốc bị vỡ và chiếc ghế bị hỏng không đáng kể nên anh T3 không yêu cầu định giá thiệt hại cũng như yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Hung khí là con dao H dùng gây thương tích cho Nguyễn Văn V quá trình điều tra không thu hồi được.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ 01 (một) tuýp nước bằng kim loại, ống $\phi 21\text{mm}$, dài 80cm; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 78cm, lưỡi dài 34,5cm, rộng 2cm tại bồn hoa trước quán cà phê “SH” không xác định được của ai. Thu của nhóm Phan Văn U 02 gậy kim loại hình trụ tròn dạng gậy bóng chày, màu đen, dài 70cm, đường kính lớn nhất 5cm, nhỏ nhất 3cm; 03 gậy kim loại hình trụ tròn dạng gậy bóng chày, màu đen, dài 63cm, đường kính lớn nhất 5cm, nhỏ nhất 3cm. Thu của Trần Ngọc H2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số serial: 357342089083716. Thu của Trần Quốc Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5c màu vàng, số IMEI: 358539056554541. Thu của Phan Văn U 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Nokia 105 màu xanh, số IMEI 1: 358567080286368; IMEI 2: 358567082708369.

Đối với con dao Bùi Văn H dùng để gây thương tích cho Nguyễn Văn V. Bùi Văn H khai nhận sau khi gây thương tích cho Nguyễn Văn V, đã bị rơi tại hiện trường Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không thu hồi lại được.

Cũng trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho anh Trần Ngọc H2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số serial: 357342089083716 do không phải là công cụ anh H2 sử dụng thực hiện hành vi phạm tội và anh H2 đã có đơn xin lại tài sản trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K chuyển theo hồ sơ vụ án các vật chứng gồm: 01 tuýp nước bằng kim loại; dao tự chế bằng kim loại; 05 gậy kim loại hình trụ tròn dạng gậy bóng chày; 02 điện thoại di động thu của Phan Văn U và Trần Quốc Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Bùi Văn H chưa bồi thường về thiệt hại sức khỏe và tổn thất về tinh thần cho Nguyễn Văn V; người bị hại V không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo H.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 03/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo Phan Văn U, Nguyễn Văn V, Trần Ngọc H2, Phạm Thành T và Trần Quốc Đ tội “gây rối trật tự nơi công cộng” theo điểm b, khoản 2, Điều 318 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, Điều 51;. Xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 16/9/2018.

- Tuyên bố các bị cáo Phan Văn U, Nguyễn Văn V, Trần Ngọc H2, Phạm Thành T và Trần Quốc Đ tội “gây rối trật tự nơi công cộng”.

- + Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Phan Văn U 27 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/9/2018.

- + Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 24 đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/9/2018.

- + Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Ngọc H2 từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/9/2018.

- + Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Thành T

và Trần Quốc Đ từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/9/2018.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS 2015; khoản 1,2 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 tuýp nước bằng kim loại, ống $\phi 21\text{mm}$, dài 80cm; 01 (dao tự chế bằng kim loại dài 78cm, lưỡi dài 34,5cm, rộng 2cm thu tại hiện trường do không xác định được chủ sở hữu và đều là hung khí nguy hiểm; 02 gậy kim loại hình trụ tròn dạng gậy bóng chày, màu đen, dài 70cm, đường kính lớn nhất 5cm, nhỏ nhất 3cm và 03 gậy kim loại hình trụ tròn dạng gậy bóng chày, màu đen, dài 63cm, đường kính lớn nhất 5cm, nhỏ nhất 3cm là công cụ các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

+ Tịch thu xung công quỹ nhà nước: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số IMEI 1: 358567080286368; IMEI 2: 358567082708369 là công cụ U sử dụng thực hiện hành vi phạm tội;

+ Trả lại cho Trần Quốc Đ: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5c màu vàng, số IMEI: 358539056554541 do không phải là công cụ bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo U, V, H2, T, Đ và H đã khai nhận hành vi của mình đã thực hiện tối ngày 02/09/2018 như nội dung vụ án của tòa án đã tóm tắt. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người làm chứng, hình ảnh trích xuất từ camera an ninh của quán cà phê “ Phố” và vật chứng thu giữ là 05 chiếc gậy bóng chày.

Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút đến 21 giờ 40 phút ngày 02/09/2018 các bị cáo Phan Văn U, Nguyễn Văn V, Trần Ngọc H2, Phạm Thành T và Trần Quốc Đ có hành vi dùng hung khí là gậy bóng chày bằng kim loại đuổi đánh nhau tại khu vực phố P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; ném cốc, ghế gậy náo loạn tại quán cà phê Phố khu vực bờ hồ Nhà thờ đá Phát Diệm, là trung tâm tôn giáo, đồng thời cũng là khu du lịch nổi tiếng của tỉnh, xảy ra đúng dịp kỷ niệm ngày Quốc Khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi đang có rất nhiều du khách và nhân dân tham quan, vui chơi trong và ngoài khu vực nhà thờ nên đã gây dư luận xấu, bức xúc trong quần chúng nhân dân và chính quyền

địa phương, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của thị trấn P nói riêng và huyện K nói chung, ảnh hưởng xấu đến hình ảnh khu du lịch Nhà thờ đá Phát Diệm trong mắt du khách. Hành vi đó của các bị cáo đã phạm tội “Gây rối trật tự nơi công cộng” quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 318 Bộ luật hình sự 2015.

[2] Bị cáo Bùi Văn H trong các lời khai tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay xác nhận tóm tắt nội dung vụ án của Tòa án đúng với thực tế xảy ra. Lời khai của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng vụ án; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường mà còn được chứng minh qua kết luận giám định pháp y về thương tích kết luận giám định pháp y về thương tích số 40 ngày 04/9/2018 và số 52 ngày 24/10/2018 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Ninh Bình kết luận về thương tích của bị hại Nguyễn Văn V tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 09%. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: hành vi của bị cáo H đã phạm tội “cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1, Điều 134 BLHS năm 2015.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương; xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của công dân được pháp luật bảo hộ. Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi nhận thức rất rõ gây rối trật tự nơi công cộng là vi phạm pháp luật; song các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đặc biệt là các bị cáo giữ vai trò chính nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án này HĐXX thấy: các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng có đông bị cáo tham gia; nhưng phạm tội mang tính giản đơn không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ; nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra.

[5] Bị cáo Bùi Văn H không phải là người mâu thuẫn trực tiếp với nhóm U, V nhưng khi gặp V đã dùng hung khí là dao chém gây thương tích cho bị hại Nguyễn Văn V là thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm a, i khoản 1, Điều 134 BLHS năm 2015. Hành vi của bị cáo thực hiện do lỗi cố ý, xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ; sau khi phạm tội không có biện pháp khắc phục thiệt hại xảy ra, không bồi thường cho người bị hại. Bị cáo là người đã có nhân thân xấu đã có tiền sử về tội “Cướp tài sản” và tiền sử bị đưa vào trung tâm chữa bệnh lao động xã hội tỉnh Ninh Bình về việc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tự sửa chữa bản thân

trở thành công dân tốt có ích cho xã hội mà còn tiếp tục phạm tội. Bị cáo tuy phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng có hai tình tiết định khung hình phạt, chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; mặc dù tại phiên tòa bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nhưng hành vi phạm tội của bị cáo còn là nguyên nhân chính dẫn đến việc các bị cáo khác phạm tội gây rối trật tự nơi công cộng gây mất trật tự, an ninh tại địa phương. Do đó cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự có thể xảy ra trên địa bàn; mới có tác dụng răn đe, tuyên truyền, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Các bị cáo phạm tội “gây rối trật tự công cộng”, xét vai trò của từng bị can để xem xét khi lượng hình như sau:

Bị cáo Phan Văn U là người cùng với Nguyễn Văn V xảy ra mâu thuẫn với Lương Hữu P1 tại quán ăn; sự việc đáng lẽ ra đã kết thúc khi được mọi người can ngăn và Lương Hữu P1 đã ra về nhưng U vẫn cùng V ngồi lại quán để đợi P1, sau đó chủ động gọi điện thoại cho bị cáo H2 lấy 05 chiếc gậy đánh bóng chày ở nhà làm phương tiện đánh nhau với P1; Còn yêu cầu H2 mang theo hung khí đi tìm P1 và đuổi đánh H tại khu vực bờ hồ Nhà thờ đá Phát Diệm thuộc phố P, thị trấn P; tại đây U còn là người trực tiếp bảo Đ phát hung khí cầm theo cho các bị cáo khác, trực tiếp cầm hung khí đuổi đánh H. Bị cáo giữ vai trò thứ nhất trong vụ án hình phạt của bị cáo phải cao hơn các bị cáo còn lại.

Bị cáo Nguyễn Văn V cũng là người có mâu thuẫn với P1 biết mục đích của U nhờ H2 về lấy gậy bóng chày đi tìm P1 để đánh nhưng không can ngăn mà tích cực tham gia; tại khu vực bờ hồ nhà thờ đá Phát Diệm, V là người đi đầu tiên đến chỗ H và xảy ra xô xát; đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các bị cáo khác tham gia gây mất trật tự tại khu vực bờ hồ Nhà thờ đá Phát Diệm; khi bị H gây thương tích V đã dùng ghế, cốc thủy tinh ném về phía H và tham gia đuổi đánh H. Do đó bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo Trần Ngọc H2 khi được Phan Văn U nhờ đến nhà U lấy hung khí để giải quyết mâu thuẫn với P1; mặc dù biết mâu thuẫn giữa U và Lương Hữu P1 nhưng không can ngăn, mà cùng với bị cáo U đi tìm P1 để đánh; còn nhờ Đ quay lại quán lấy hung khí rồi cùng cả nhóm đi tìm P1, sau đó đuổi đánh H; bị cáo giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

Bị cáo Phạm Thành T mặc dù không trực tiếp mâu thuẫn với P1, H nhưng khi U kể lại không can ngăn mà cùng tham gia sử dụng hung khí trong việc gây rối, giữ vai trò thứ tư trong vụ án.

Bị cáo Trần Quốc Đ mặc dù không mâu thuẫn gì với P1, H nhưng khi được U và H2 nhờ thì đã giúp sức cho H2 trong việc chuẩn bị hung khí sau đó khi được bị cáo U yêu cầu, Đ mở cốp xe lấy gậy bóng chày đưa cho T, U

đề đuổi đánh H; bản thân Đ cũng cầm theo 01 chiếc gậy đuổi đánh H là đồng phạm với vai trò thứ năm trong vụ án.

[7] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm s, khoản 1 điều 51 BLHS.

Trừ các bị cáo U, V và H; các bị cáo còn lại phạm tội do hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo H gây ra cho bị cáo V là bạn của các bị cáo trước, là nguyên nhân dẫn đến hành vi đuổi đánh bị cáo H gây mất trật tự nơi công cộng; các bị cáo gây rối trong thời gian ngắn gây hậu quả ít nghiêm trọng; là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo V là người bị H gây thương tích 09% sức khỏe khi không do mâu thuẫn thù hận nên mới đuổi đánh bị cáo H gây mất trật tự công cộng phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra với mình được Hội đồng xét xử xác định là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS.

[8] Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 và Điều 58 BLHS năm 2015 thì thấy rằng:

Đối với bị cáo Phan Văn U: là bị cáo giữ vai trò đầu vụ ; chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS; nhân thân xấu đã từng bị đưa vào Trường giáo dưỡng và bị xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tự sửa chữa bản thân trở thành công dân tốt; chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất trong quan hệ xã hội mà lôi kéo người khác cùng phạm tội nên cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc và phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn V: giữ vai trò thứ hai trong vụ án vừa là bị hại vừa là bị cáo; có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 , Điều 58 BLHS xử lý bị cáo dưới khung hình phạt là phù hợp. Bị cáo có nhân thân xấu nên phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích.

Đối với bị cáo Trần Ngọc H2 là bị cáo giữ vai trò thứ ba trong vụ án; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ của tại khoản 1 tại Điều 51 BLHS; đồng phạm với vai trò thứ yếu nên cũng áp dụng khoản 1 Điều 54, Điều 58 xử lý bị cáo dưới khung hình phạt là phù hợp. Bản thân bị cáo có 01 tiền sự về hành vi “Cố ý gây thương tích” chưa được xóa nhưng lại tiếp tục phạm tội; do đó cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích.

Đối với Phạm Thành T là bị cáo giữ vai trò thứ tư trong vụ án, đồng phạm vai trò thứ yếu; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ của tại khoản 1 Điều 51 BLHS; nên cũng được áp dụng thêm khoản 1, Điều 54, Điều 58 BLHS xử lý bị cáo dưới khung hình phạt. Tuy nhiên bản thân bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” chưa được xóa tiền sự; nhưng tiếp tục phạm tội; do đó phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích.

Đối với bị cáo Trần Quốc Đ là bị cáo giữ vai trò cuối cùng trong vụ án; bị cáo cũng có 02 tình tiết giảm nhẹ của tại khoản 1, Điều 51 BLHS; nên cũng được áp dụng thêm khoản 1 Điều 54, Điều 58 BLHS xử lý bị cáo dưới khung hình phạt nhưng cũng phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích.

[9] Đối với Vũ Dư Anh T4 và Phan Ngọc A1 là những người đều có mối quan hệ với nhóm U, V và H; biết việc nhóm U, V tìm gặp P1, H để giải quyết việc mâu thuẫn, xô xát ở quán ăn; khi xảy ra việc xô xát giữa nhóm U, V và H trong khu vực bờ hồ cũng có mặt nhưng không tham gia mà có hành động can ngăn. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với Vũ Dư Anh T4 và Phan Ngọc A1.

Đối với Lương Hữu P1 là người có mâu thuẫn, xô xát với U, V tại quán ăn “Sơn Tùng” và nói lại sự việc cho H biết nhưng không bàn bạc với H trong việc gây thương tích cho Nguyễn Văn V; khi xảy ra sự việc xô xát giữa nhóm U, V và H trong khu vực bờ hồ không có mặt. Do vậy Lương Hữu P1 không đồng phạm với Bùi Văn H trong vụ án này.

[10] Trách nhiệm dân sự trong vụ án: bị hại Nguyễn Văn V không có bất kỳ yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần do bị cáo Bùi Văn H gây ra; bị cáo Bùi Văn H không có bất kỳ yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần. Anh Lại Trí T3 là chủ quán cafe “Phố” không đề nghị gì về những thiệt hại do các bị cáo gây ra do không thu được tiền của những người uống cà phê bỏ chạy và chiếc cốc bị vỡ và chiếc ghế bị hư hỏng. Do vậy vấn đề dân sự Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[11] Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho anh Trần Ngọc H2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số serial: 357342089083716 do không phải là công cụ phương tiện thực hiện hành vi phạm tội căn cứ là phù hợp.

[12] Đối với 01 tuýp nước bằng kim loại, ống $\phi 21\text{mm}$, dài 80cm; 01 dao tự chế bằng kim loại dài 78cm, lưỡi dài 34,5cm, rộng 2cm thu tại hiện trường do không xác định được chủ sở hữu là hung khí nguy hiểm; 02 gậy kim loại

hình trụ tròn dạng gậy bóng chày, màu đen, dài 70cm, đường kính lớn nhất 5cm, nhỏ nhất 3cm và 03 gậy kim loại hình trụ tròn dạng gậy bóng chày, màu đen, dài 63cm, đường kính lớn nhất 5cm, nhỏ nhất 3cm là công cụ các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội; căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần tịch thu, tiêu hủy.

[13]Đối với con dao Bùi Văn H dùng để gây thương tích cho Nguyễn Văn V. Bùi Văn H khai nhận sau khi gây thương tích cho Nguyễn Văn V, đã bị rơi tại hiện trường Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không thu hồi lại được nên hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số IMEI 1: 358567080286368; IMEI 2: 358567082708369 bị cáo U sử dụng gọi cho bị cáo H2 lấy hung khí là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội; căn cứ khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần tịch thu sung công quỹ nhà nước:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5c màu vàng, số IMEI: 358539056554541 của bị cáo Đ không liên quan đến hành vi phạm tội. Căn cứ khoản 3 Điều 106 BLTTHS cần trả lại cho bị cáo Trần Quốc Đ.

[15] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan điều tra Công an huyện K và Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đúng quy định.

[16] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 135, 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14. Các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Các bị cáo Phan Văn U, Nguyễn Văn V, Trần Ngọc H2, Phạm Thành T và Trần Quốc Đ phạm tội “ gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 16/09/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Phan Văn U 25 (hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/09/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm e, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 19 (mười chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/09/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Ngọc H2 18 (mười tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/09/2018.
- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Thành T 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/09/2018.
- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Quốc Đ từ 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/09/2018.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS 2015; khoản 2 và 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 tuýp nước bằng kim loại, ống ϕ 21mm, dài 80cm; 01 dao tự chế bằng kim loại dài 78cm, lưỡi dài 34,5cm, rộng 2cm; 02 gậy kim loại hình trụ tròn dạng gậy bóng chày, màu đen, dài 70cm, đường kính lớn nhất 5cm, nhỏ nhất 3cm và 03 gậy kim loại hình trụ tròn dạng gậy bóng chày, màu đen, dài 63cm, đường kính lớn nhất 5cm, nhỏ nhất 3cm.

+ Tịch thu xung công quỹ nhà nước: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số IMEI 1: 358567080286368; IMEI 2: 358567082708369 là công cụ U sử dụng thực hiện hành vi phạm tội;

+ Trả lại cho Trần Quốc Đ: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5c màu vàng, số IMEI: 358539056554541.

(chi tiết vật chứng như trong biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan điều tra và chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày 04/01/2019).

3. Án phí: áp dụng khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14; Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND xã T, Đ, K, L;
- UBND thị trấn P;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh